

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2016

THÔNG BÁO

Về việc xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH,

Thực hiện quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, Nhà trường yêu cầu Trưởng các Khoa, Viện trưởng các Viện có đào tạo triển khai thực hiện Tiêu chuẩn 2 như sau:

- Xây dựng Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo theo hướng dẫn của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thời gian hoàn thành: trước ngày 30/7/2016.

Bản mô tả chương trình đào tạo gửi về Nhà trường (qua phòng Đào tạo).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- Chủ tịch HĐ Trường;
- Phó Hiệu trưởng phụ trách ĐT;
- Các Khoa/Viện đào tạo;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Quang Bảo

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bản mô tả chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

Căn cứ Quyết định số 5420/QĐ-BNN-TCCB ngày 27/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH;

Căn cứ Quyết định số 1427/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các khoa và Viện trưởng các Viện có đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo các ngành học trình độ đại học thuộc Trường Đại học Lâm nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trong trường, Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Chủ tịch HĐ Trường;
- Như Điều 3;
- Đăng Website;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Trần Quang Bảo

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 194/QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 15/9/2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)*

Hà Nội, tháng 9 năm 2017

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo
2. Mục tiêu đào tạo
3. Thông tin tuyển sinh
4. Điều kiện nhập học
5. Điều kiện tốt nghiệp

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kiến thức
2. Kỹ năng
3. Phẩm chất đạo đức
4. Các vị trí công tác có thể đảm nhiệm sau tốt nghiệp
5. Chương trình đào tạo tham khảo

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy
2. Khung chương trình đào tạo
3. Các học phần hình thành kiến thức, kỹ năng theo chuẩn đầu ra đã công bố
4. Kế hoạch đào tạo theo thời gian được thiết kế
5. Phương pháp và hình thức đào tạo
6. Cách thức đánh giá kết quả học tập
7. Điều kiện thực hiện chương trình
8. Hướng dẫn thực hiện và tổ chức chương trình đào tạo
9. Chương trình đào tạo tham khảo

PHỤ LỤC

- Phụ lục 1. Kế hoạch đào tạo theo thời gian được thiết kế
- Phụ lục 2. Tài liệu tham khảo
- Phụ lục 3. Đội ngũ giảng viên

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về cơ sở cấp bằng và cơ sở đào tạo

- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Lâm nghiệp
- Đơn vị đào tạo: Khoa Kinh tế & Quản trị kinh doanh

2. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành: Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
Tiếng Anh: Business Management
- Mã số ngành đào tạo: 7340101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Kinh tế & Quản trị kinh doanh
- Thông tin về kiểm định chất lượng: chưa được kiểm định chất lượng

3. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung

Cung cấp kiến thức, rèn luyện kỹ năng, tố chất của nhà quản trị chuyên nghiệp trong môi trường cạnh tranh toàn cầu.

Mục tiêu cụ thể

- Sinh viên được trang bị những kiến thức chung về kinh tế - xã hội;
- Sinh viên được trang bị những kiến thức chuyên sâu về kinh doanh, quản trị kinh doanh trong các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế trong nền kinh tế
- Có khả năng phân tích, đánh giá giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến Ngành.
- Có khả năng tham gia đề xuất, xây dựng và thực hiện các kế hoạch: kinh doanh, marketing, nhân sự, tài chính của doanh nghiệp.
- Có thể sử dụng thông thạo các công cụ công nghệ thông tin, các phần mềm phổ thông và chuyên dụng để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp.
- Có kỹ năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm, có khả năng giao tiếp tốt, tự tin, năng động trong công việc.

4. Thông tin tuyển sinh

- Về phạm vi tuyển sinh: cả nước.
- Về đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp kỳ thi THPT quốc gia
- Về phương thức tuyển sinh:
 - + Xét tuyển sinh dựa theo kết quả thi THPT quốc gia.
 - + Xét học bạ THPT

5. Điều kiện nhập học

Sau khi xét trúng tuyển vào học trường Đại học Lâm nghiệp, người học sẽ

được thông báo đến Trường để nhập học với các các giấy tờ theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành và theo quy định của trường Đại học Lâm nghiệp.

Sau khi nhập học, người học được Phòng Chính trị & Công tác sinh viên cấp thẻ sinh viên, cấp Sổ tay sinh viên trong đó có các thông tin về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi có liên quan.

6. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- i) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức độ đình chỉ học tập;
- ii) Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo;
- iii) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- iv) Có giấy chứng nhận Giáo dục quốc phòng – An ninh và giấy chứng nhận Giáo dục thể chất;
- v) Có chứng chỉ ngoại ngữ và tin học đạt chuẩn theo quy định của Nhà trường;
- vi) Trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp muộn so với thời gian thiết kế của khóa học, sinh viên phải làm đơn gửi Phòng đào tạo để đề nghị được xét tốt nghiệp;

Hàng năm, Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp 2 đợt chính vào tháng 6 và tháng 12. Ngoài ra, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể mà nhà trường có thể thành lập hội đồng xét tốt nghiệp vào các thời gian khác. Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ vào các quy định về điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách đề nghị Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện. Lễ tốt nghiệp chính thức được tổ chức vào tháng 6 hàng năm.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sau khi hoàn thành khóa học sinh viên sẽ đạt được các yêu cầu sau đây:

1. Yêu cầu về kiến thức

Chương trình trang bị cho sinh viên những kiến thức cụ thể sau:

1.1 Kiến thức giáo dục đại cương

Trang bị cho sinh viên các kiến thức giáo dục đại cương về Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và nhân văn; Kinh tế xã hội.

1.2 Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành

Trang bị cho sinh viên những kiến thức toàn diện và hiện đại về kinh tế và quản trị, marketing, tài chính tiền tệ, nguyên lý thống kê, kinh tế lượng, tin học ứng dụng trong quản trị, kinh tế ngành....

1.3 Kiến thức chuyên ngành

Sau khi học phần kiến thức ngành sinh viên sẽ lựa chọn chuyên sâu hướng học tập và nghiên cứu về quản trị kinh doanh, kế toán và tài chính như quản trị kinh doanh, quản trị sản xuất, quản trị nhân lực, quản trị chiến lược, quản trị tài chính, quản trị kinh doanh thương mại, quản lý dự án, kế toán tài chính, kế toán quản trị...

2. Yêu cầu về kỹ năng

Người tốt nghiệp chương trình đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh có những kỹ năng:

2.1 Kỹ năng cứng

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện được các phương án và kế hoạch sản xuất.
- Giám sát, phân tích, đánh giá được quá trình và kết quả sản xuất kinh doanh.
- Sử dụng được một số phương tiện công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn.
- Nghiên cứu, phát triển thị trường cho các doanh nghiệp
- Tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động marketing.

2.2. Kỹ năng mềm

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có các kỹ năng mềm: Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng đàm phán và giải quyết vấn đề để có thể làm việc hiệu quả và đáp ứng nhanh với yêu cầu công việc.

Kỹ năng tin học : Sinh viên sau khi tốt nghiệp sử dụng thành thạo phần mềm tin học văn phòng, đồng thời có khả năng tìm hiểu và sử dụng các phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác quản trị;

Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Thông tư 01/2014/TT-BGD&ĐT quy định về Khung năng

lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc quy đổi tương đương sang một số chứng chỉ ngoại ngữ khác theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3. Yêu cầu về thái độ

3.1. Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân:

Có thái độ đúng đắn về nghề nghiệp, yêu nghề và trung thực, là một công dân có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng.

3.2. Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và thái độ phục vụ:

Sinh viên tốt nghiệp có đạo đức tốt, trung thực và cầu tiến, có nhận thức và thái độ đúng đắn về nghề nghiệp đã học, có thái độ phục vụ và trách nhiệm nghề nghiệp tốt.

3.3. Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc:

Sinh viên ra trường có khả năng tổng hợp và cập nhật kiến thức tốt, có năng lực đổi mới và sáng tạo.

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Chủ các doanh nghiệp độc lập.
- Chuyên viên, trưởng phó các phòng kinh doanh, marketing, tài chính kế toán, nhân sự trong doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tập đoàn kinh tế.
- Chuyên viên, chuyên gia, nhà quản lý trong các ban quản lý dự án, các tổ chức phi chính phủ.
- Chủ nhiệm, thành viên quản lý các hợp tác xã và các tổ chức kinh tế.
- Chuyên viên, nhà quản lý trong các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế.
- Giảng viên, nhà nghiên cứu, nhà tư vấn trong các đơn vị đào tạo và nghiên cứu về Kinh tế và Quản trị kinh doanh trong và ngoài nước.

5. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sinh viên ngành QTKD sau khi ra trường có thể tiếp tục học các chương trình thạc sĩ, tiến sĩ và các khóa đào tạo có liên quan đến kinh tế và quản trị kinh doanh trong và ngoài nước.

6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo

- Chuẩn đầu ra ngành QTKD của trường ĐH Thương Mại
- Chuẩn đầu ra ngành QTKD của trường ĐH Kinh tế Quốc Dân
- Chuẩn đầu ra ngành QTKD của trường ĐH Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh
- Chương trình đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh - Đại học ASHWORTH - Mỹ: <https://www.ashworthcollege.edu/bachelors-degrees/business-administration-degree-online/curriculum/>

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 136 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức đại cương: 41 tín chỉ

Bắt buộc: 35 TC

Tự chọn: 06 TC

(Chưa tính các môn học GDTC, GDQP-AN)

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 81 tín chỉ

+ Khối kiến thức giáo dục cơ sở khối ngành: 6

Bắt buộc: 06 tín chỉ

Tự chọn: 0 tín chỉ

+ Khối kiến thức giáo dục cơ sở ngành: 30

Bắt buộc: 24 tín chỉ

Tự chọn: 06 tín chỉ

+ Khối kiến thức giáo dục chuyên ngành: 45

Bắt buộc: 36 tín chỉ

Tự chọn: 9 tín chỉ

- Thực hành, thực tập nghề nghiệp : 04 tín chỉ

- Khóa luận tốt nghiệp và môn học thay thế: 10 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo chi tiết:

TT	Tên học phần	Số TC	Thời lượng (tiết)					Học phần tiên quyết
			Lên lớp			Thực hành/ TN	Thực tập sản xuất	
			Lý thuyết	BT/ TL	BTL			
A	Khối kiến thức GD ĐC	41						
I	Kiến thức bắt buộc	35						
1	Những NLCB của CNMLN	5	60	15				
2	Đường lối CM ĐCSVN	3	35	10				
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	25	5				
4	Pháp luật đại cương	2	25	5				
5	Tiếng Anh 1	4	45	15				
6	Tiếng Anh 2	3	35	10				5

7	Tiếng Anh 3	3	35	10				6
8	Tiếng Anh 4	2	20	10				7
9	Toán cao cấp C	4	45	15				
10	Xác suất thống kê	3	35	10				
11	Tin học đại cương	4	30			15		
	<i>Giáo dục thể chất</i>		<i>Theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo</i>					
	<i>Giáo dục quốc phòng</i>							
II	Kiến thức tự chọn	6						
12	Tâm lý học	2	25	5				
13	Xã hội học	2	25	5				
14	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	35	10				
15	Địa lý kinh tế	3	40	5				
16	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	30	15				
17	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	2	25	5				
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	91						
B1	<i>Kiến thức cơ sở khối ngành</i>	6						
I	Các học phần bắt buộc	6						
18	Kinh tế vi mô 1	3	40	5				
19	Kinh tế vĩ mô 1	3	40	5				
II.	Các học phần tự chọn	0						
B2	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	30						
I	Các học phần bắt buộc	24						
20	Tài chính – Tiền tệ	3	35	5	5			
21	Nguyên lý thống kê	3	35	10				
22	Quản trị học	3	30	15				
23	Marketing căn bản	3	30	15				
24	Luật kinh tế	3	40	5				

25	Kinh tế đầu tư	3	35	10				18
26	Kinh tế lượng I	3	35	10				10
27	Toán kinh tế	3	35	10				
II	Các học phần tự chọn	6						
28	KN làm việc nhóm	2	15	15				
29	K.sự và Tạo lập DN	2	20	10				
30	Quản trị thương hiệu	2	20	10				
31	Marketing quốc tế	2	20	10				
32	Văn hóa kinh doanh	3	30	15				
33	Kinh tế quốc tế	3	35	10				
34	Anh chuyên ngành 4	2	25	5				8
B3	Kiến thức ngành	45						
I	Các học phần bắt buộc	36						
35	QTKD 1	3	35	10				22
36	QTKD2	3	35	5	5			35
37	Quản trị chiến lược	3	30	15				
38	Quản trị nhân lực	3	30	15				
39	Quản lý dự án	3	30	10	5			
40	Nguyên lý kế toán	2	25	5				
41	Kế toán tài chính 1	4	50	5	5			40
42	Kế toán quản trị	3	35	10				40
43	QTKD thương mại	3	30	15				
44	Phân tích kinh doanh	3	35	10				21, 41
45	Tài chính DN	3	35	10				20
46	Tin học UD trong QL kinh tế	3	25			20		11
II	Các học phần tự chọn	9						
47	Quản trị sản xuất	2	20	10				
48	Quản trị công nghệ	2	20	10				
49	Quản lý trang trại	2	25	5				
50	Thương mại điện tử	2	20	10				
51	Quản trị bán hàng	2	20	10				

52	Đàm phán trong kinh doanh	2	15	15				
53	Quản trị kinh doanh bảo hiểm	2	20	10				
54	Quản trị kinh doanh du lịch	2	20	10				
55	Quản trị chất lượng	2	20	10				
56	Thuế	3	35	10				20
57	Kinh doanh BĐS	2	25	5				
58	Kế toán tài chính 2	3	30	15				41
59	TT chứng khoán	3	35	10				20
60	Thanh toán quốc tế	3	35	10				20
61	Thống kê DN	3	35	10				21
62	Kinh tế công cộng	3	45					18
63	Kinh tế phát triển	3	40	5				
64	Quản trị rủi ro	2	20	10				
65	NV ngân hàng TM	2	25	5				
66	Kinh tế nông nghiệp	3	40	5				
67	Giám đốc điều hành (CEO)	2	20	10				
68	Kỹ năng quản trị	2	25	5				
B4	Tốt nghiệp	10						
IV	Thực tập nghề	4						
69	Thực tập NN 1	1						
70	Thực tập NN2	3						
	Tổng cộng	136						

3. Ma trận chuẩn đầu ra của CTĐT

TT		Mã hóa	Diễn giải
Mục tiêu đào tạo		MT	
Về kiến thức	Kiến thức chung	MT1	Sinh viên được trang bị những kiến thức chung về kinh tế - xã hội
	Kiến thức ngành	MT2	Sinh viên được trang bị những kiến thức chuyên sâu về kinh doanh, quản trị kinh doanh trong các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế trong nền kinh tế
Về kỹ năng	Kỹ năng cứng	MT3	Có khả năng phân tích, đánh giá giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến Ngành.
		MT4	Có khả năng tham gia đề xuất, xây dựng và thực hiện các kế hoạch: kinh doanh, marketing, nhân sự, tài chính của doanh nghiệp.
	Kỹ năng mềm	MT5	Có thể sử dụng thông thạo các công cụ công nghệ thông tin, các phần mềm phổ thông và chuyên dụng để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp.
		MT6	- Có kỹ năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm, có khả năng giao tiếp tốt, tự tin, năng động trong công việc.
Chuẩn đầu ra		CDR	
Về kiến thức	Kiến thức chung	CDR1	- Kiến thức giáo dục đại cương: trang bị cho sinh viên các kiến thức giáo dục đại cương về Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và nhân văn; Kinh tế xã hội.
	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	CDR2	- Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành: trang bị cho sinh viên những kiến thức toàn diện và hiện đại về kinh tế và quản trị, marketing, tài chính tiền tệ, nguyên lý thống kê, kinh tế lượng, tin học ứng dụng trong quản trị, kinh tế ngành....
	Kiến thức chuyên ngành:	CDR3	Kiến thức chuyên ngành: Sau khi học phần kiến thức ngành sinh viên sẽ lựa chọn chuyên sâu hướng học tập và nghiên cứu về quản trị kinh doanh, kế toán và tài chính như quản trị kinh doanh, quản trị sản xuất, quản trị nhân lực, quản trị chiến lược, quản trị tài chính, quản trị kinh doanh thương mại, quản lý dự án,

			kế toán tài chính, kế toán quản trị...
Về kỹ năng	Kỹ năng cứng	CDR4	Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh.
		CDR5	Tổ chức chỉ đạo thực hiện được các phương án và kế hoạch sản xuất.
		CDR6	Giám sát, phân tích, đánh giá được quá trình và kết quả sản xuất kinh doanh.
		CDR7	Sử dụng được một số phương tiện công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn.
		CDR8	Nghiên cứu, phát triển thị trường cho các doanh nghiệp
		CDR9	Tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động marketing.
	Kỹ năng mềm	CDR10	Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có các kỹ năng mềm: Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng đàm phán và giải quyết vấn đề để có thể làm việc hiệu quả và đáp ứng nhanh với yêu cầu công việc.
CDR11		Kỹ năng tin học : Sinh viên sau khi tốt nghiệp sử dụng thành thạo phần mềm tin học văn phòng, đồng thời có khả năng tìm hiểu và sử dụng các phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác quản trị	
CDR12		Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh tương đương Bậc 3 theo Thông tư 01/2014/TT-BGD&ĐT quy định về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc quy đổi tương đương sang một số chứng chỉ ngoại ngữ khác theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).	
Về thái độ		CDR13	Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân: có thái độ đúng đắn về nghề nghiệp, yêu nghề và trung thực, là một công dân có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng.
		CDR14	Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và thái độ phục vụ:

	CDR15	Sinh viên tốt nghiệp có đạo đức tốt, trung thực và cầu tiến, có nhận thức và thái độ đúng đắn về nghề nghiệp đã học, có thái độ phục vụ và trách nhiệm nghề nghiệp tốt.
	CDR16	Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc:
	CDR17	Sinh viên ra trường có khả năng tổng hợp và cập nhật kiến thức tốt, có năng lực đổi mới và sáng tạo.
Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	CDR18	Chủ các doanh nghiệp độc lập.
	CDR19	Chuyên viên, trưởng phó các phòng kinh doanh, marketing, tài chính kế toán, nhân sự trong doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tập đoàn kinh tế.
	CDR20	Chuyên viên, chuyên gia, nhà quản lý trong các ban quản lý dự án, các tổ chức phi chính phủ.
	CDR21	Chủ nhiệm, thành viên quản lý các hợp tác xã và các tổ chức kinh tế.
	CDR22	Chuyên viên, nhà quản lý trong các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế.
	CDR23	Giảng viên, nhà nghiên cứu, nhà tư vấn trong các đơn vị đào tạo và nghiên cứu về Kinh tế và Quản trị kinh doanh trong và ngoài nước.

MA TRẬN TÍCH HỢP GIỮA MỤC TIÊU CTĐT VÀ CHUẨN ĐẦU RA

CHUẨN ĐẦU RA			MỤC TIÊU ĐÀO TẠO					
			MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6
Về kiến thức	Kiến thức chung	CDR1	✓					
	Kiến thức cơ sở	CDR2		✓				
	Kiến thức	CDR3						
Về kỹ năng	Kỹ năng cứng	CDR4			✓	✓		
		CDR5			✓	✓		
		CDR6			✓	✓		
		CDR7			✓	✓		
		CDR8			✓	✓		
		CDR9			✓	✓		
	Kỹ năng mềm	CDR10					✓	✓
		CDR11					✓	✓

		CDR12					✓	✓
Về thái độ		CDR13	✓	✓	✓			
		CDR14	✓	✓	✓			
		CDR15	✓	✓	✓			
		CDR16			✓	✓	✓	✓
		CDR17			✓	✓	✓	✓
Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp		CDR18	✓	✓	✓	✓	✓	✓
		CDR19	✓	✓	✓	✓	✓	✓
		CDR20	✓	✓	✓	✓	✓	✓
		CDR21	✓	✓	✓	✓	✓	✓
		CDR22	✓	✓	✓	✓	✓	✓
		CDR23	✓	✓	✓	✓	✓	✓

MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA

CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		CHUẨN ĐẦU RA																							
		Về kiến thức					Về kỹ năng					Về thái độ				Về tri thức làm sau khi tốt nghiệp									
							Kỹ năng cứng			KN mềm		Cá nhân		Nghề nghiệp					Xã hội						
		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12	CDR 13	CDR 14	CDR 15	CDR 16	CDR 17	CDR 18	CDR 19	CDR 20	CDR 21	CDR 22	CDR 23	
A. Khởi kiến thức giáo dục đại cương																									
<i>I. Kiến thức bắt buộc</i>																									
Những nguyên lý cơ bản của CNMLN	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓										
Đường lối CM ĐCSVN	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓										
Tư tưởng Hồ Chí Minh	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓										
Pháp luật đại cương	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓										
Tiếng anh học phần 1	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓						✓	✓	✓	✓	
Tiếng anh học phần 2	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓						✓	✓	✓	✓	
Tiếng anh học phần 3	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓						✓	✓	✓	✓	
Tiếng anh học phần 4	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓						✓	✓	✓	✓	

4. Bản mô tả học phần

1) Những nguyên lý cơ bản của CN MLN (5TC)

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của CN MLN, lý luận của CN MLN về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội hiện thực. Môn học cũng đi sâu phân tích học thuyết kinh tế của CN MLN về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa

2) Đường lối cách mạng của ĐCSVN (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin

Môn học cung cấp kiến thức về đường lối cách mạng của ĐCS VN qua các thời kỳ

3) Tư tưởng HCM (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Đường lối cách mạng của ĐCSVN

Môn học cung cấp kiến thức về cơ sở và quá trình hình thành, phát triển tư tưởng HCM; Nội dung tư tưởng HCM.

4) Pháp luật đại cương (2TC)

Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; Tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật ; Một số nội dung cơ bản của Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự.

5) Tiếng anh 1 (4TC)

Môn học tiếng Anh học phần I được triển khai dựa trên cuốn giáo trình New Headway Elementary the 3rd edition bao gồm 8 bài trang bị những kiến thức sau đây:

- Ngữ pháp: Các thì của động từ; từ loại (danh từ, tính từ, mạo từ ...); sở hữu cách; so sánh tính từ; cách sử dụng giới từ.

- Từ vựng: Cung cấp vốn từ cơ bản, gắn gũi với cuộc sống: gia đình, bạn bè, học tập, sở thích, thời tiết để vận dụng vào các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết về các chủ điểm đó.

6) Tiếng anh 2 (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Anh văn 1

- Môn học Anh văn học phần II được triển khai dựa trên cuốn giáo trình New Headway Elementary (the 3rd edition - Liz and John Soars) bao gồm 6 bài(từ bài 9 đến bài 14)

7) Tiếng anh 3 (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Anh văn 2

Môn học Anh văn học phần III được triển khai dựa trên cuốn giáo trình New Headway Pre-intermediate (the 3rd edition - Liz and John Soars) từ bài 01 đến bài 07.

8) Tiếng anh 4 (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Anh văn 3

Môn học Anh văn học phần IV được triển khai dựa trên cuốn giáo trình New Headway Pre-intermediate (the 3rd edition - Liz and John Soars) từ bài 08 đến bài 12.

9) Toán cao cấp C (4TC)

Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý

10) Xác suất thống kê (3TC)

phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung:

- Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên
- Phần thống kê bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; Các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

11) Tin học đại cương (4TC)

Học phần trang bị cho sinh viên khối ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh những kiến thức cơ bản về tin học xét trên quan điểm của người ứng dụng. Học phần đề cập đến 5 khối kiến thức:

- 1, Một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính.
- 2, Các hệ điều hành MS.DOS và WINDOWS
- 3, Soạn thảo văn bản trên máy tính
- 4, Sử dụng bảng tính EXCEL
- 5, Sử dụng các dịch vụ cơ bản của INTERNET

12) Tâm lý học (2TC)

Môn tâm lý học đại cương là môn khoa học cơ bản về các yếu tố tâm lý con người trong đời sống hàng ngày. Nội dung chương trình môn học bao gồm: Những vấn đề khái quát về tâm lý học với tư cách là một khoa học; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

13) Xã hội học (2TC)

Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về Xã hội học; từ đó vận dụng vào lý giải, đánh giá những vấn đề của thực tiễn xã hội, hình thành kỹ năng điều tra Xã hội học cho sinh viên

14) Quản lý Nhà nước về kinh tế (3TC)

Cung cấp những kiến thức cơ bản có hệ thống về quản lý Nhà nước nói chung, quản lý Nhà nước về kinh tế nói riêng, bao gồm: Nhà nước và quản lý Nhà nước, đặc điểm, đối tượng của quản lý Nhà nước về kinh tế, mục tiêu, nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế, các chức năng cơ bản của quản lý Nhà nước về kinh tế, văn bản và quyết định trong quản lý Nhà nước về kinh tế, cơ cấu và công chức trong bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế.

15) Địa lý kinh tế (3TC)

Trang bị cho người học những lý luận cơ bản và kiến thức thực tiễn về Địa lý kinh tế Việt Nam như: tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế, phân bố các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, kiến thức về thực trạng kinh tế - xã hội của các vùng kinh tế...

16) Lịch sử các học thuyết kinh tế (3TC)

Cung cấp kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của khoa học kinh tế, sự ra đời, đặc điểm, nội dung cơ bản, vị trí của các học thuyết kinh tế đối với sự phát triển của lý luận kinh tế và thực tiễn.

17) Kỹ năng giao tiếp (2TC)

Cung cấp các kiến thức về giao tiếp và các kỹ năng cần thiết trong giao tiếp: Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng phản hồi, kỹ năng hỏi.

18) Kinh tế vi mô 1 (3TC)

Kinh tế vi mô nghiên cứu các lựa chọn kinh tế của các bộ phận cấu thành của nền kinh tế. Môn học phân tích những nội dung: Những vấn đề kinh tế cơ bản của các tổ chức kinh tế, cung cầu và sự hình thành giá cả thị trường, lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng, lựa chọn sử dụng đầu vào tối ưu của doanh nghiệp, phân tích chi phí sản xuất trong ngắn hạn và dài hạn, lựa chọn sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp, cấu trúc thị trường, thị trường các yếu tố sản xuất và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường.

19) Kinh tế vĩ mô 1 (3TC)

Cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô như: tổng cung, tổng cầu, lạm phát, thất nghiệp, cán cân thương mại, tỷ giá hối đoái...

20) Tài chính tiền tệ (3TC)

Cung cấp các kiến thức: chức năng tài chính tiền tệ và cấu trúc hệ thống tài chính trong nền kinh tế; hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, hoạt động khu vực tài chính Nhà nước: ngân sách và chính sách tài khoá, hoạt động khu vực tài chính doanh nghiệp: vốn, nguồn vốn, quản lý vốn; hoạt động của hệ thống ngân hàng (ngân hàng thương mại, ngân hàng TW) nhằm ổn định tiền tệ, cung ứng vốn, dịch vụ thanh toán... cho nền kinh tế.

21) Nguyên lý thống kê (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Xác suất thống kê

Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Môn học này cung cấp hệ thống các phương pháp thu thập, xử lý thông tin bao gồm thông tin về số liệu và phân tích điều tra xã hội học, đặc biệt là hệ thống các phương pháp phân tích các hiện tượng và quá trình KTXH.

22) Quản trị học (3TC)

Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức về: những vấn đề cơ bản trong quản trị; quyết định trong quản trị; hoạch định trong quản trị; biết cách tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra trong quản trị.

23) Marketing căn bản (3TC)

Trang bị cho sinh viên các kiến thức về thương hiệu và quản trị thương hiệu: khái niệm, các yếu tố cấu thành, vai trò và giá trị của thương hiệu; Các kiến thức về quản trị thương hiệu: Xây dựng thương hiệu, bảo vệ và phát triển thương hiệu, đánh giá hiệu quả công tác quản trị thương hiệu.

24) Luật kinh tế (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Luật đại cương

Cung cấp các kiến thức về hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình tổ chức và quản lý kinh tế của nhà nước và trong quá trình sản xuất kinh doanh.

25) Kinh tế đầu tư (3TC)

Trang bị các kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển (ĐTPT), cách đánh giá và phân tích hiệu quả (hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế - xã hội) của hoạt động ĐTPT. Môn học cũng đồng thời cung cấp các kiến thức chung về quản lý và kế hoạch hóa hoạt động ĐTPT

26) Kinh tế lượng 1 (3TC)

Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách sử dụng các mô hình toán học để lượng hóa các mối quan hệ kinh tế, xã hội để làm cơ sở đề xuất các chính sách phát triển kinh tế, xã hội.

27) Toán kinh tế (3TC)

Là môn khoa học nhằm vận dụng toán học trong phân tích các mô hình kinh tế để từ đó hiểu rõ hơn các nguyên tắc và các quy luật kinh tế của nền kinh tế thị trường. Toán kinh tế cung cấp cho các Nhà Quản lý các kiến thức để họ có thể vận dụng vào việc ra các quyết định sản xuất.

28) Kỹ năng làm việc nhóm (2TC)

Cung cấp các kiến thức về kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả, tổ chức và quản lý nhóm hiệu quả; Các nguyên tắc trong xây dựng nhóm, các giải pháp giải quyết xung đột và phát triển nhóm.

29) Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp (2TC)

Cung cấp các kiến thức về sàng lọc ý tưởng kinh doanh, phát triển ý tưởng, các hoạt động cần cho việc thành lập và hoạt động cơ bản của một doanh nghiệp

30) Quản trị thương hiệu (2TC)

Cung cấp các kiến thức về thương thiệu và quản trị thương hiệu: Xây dựng thương hiệu, bảo vệ và phát triển thương hiệu, quản trị thương hiệu.

31) Marketing quốc tế (2TC)

Nghiên cứu các vấn đề cơ sở về MKT quốc tế: Môi trường MKT quốc tế, nghiên cứu MKT quốc tế, các chiến lược MKT quốc tế.

32) Văn hoá kinh doanh (3TC)

Môn học cung cấp các kiến thức chung về văn hoá và văn hoá kinh doanh, việc xây dựng và phát triển văn hoá doanh nghiệp.

33) Kinh tế quốc tế (3TC)

Cung cấp những kiến thức cơ bản về một nền kinh tế thế giới hiện đại; khả năng phân tích lợi ích của ngoại thương và các chính sách thương mại quốc tế; các hình thức, tác động của sự di chuyển các nguồn lực quốc tế đối với cả nước đầu tư và tiếp nhận đầu tư; các khía cạnh của tài chính quốc tế, sự vận động của thị trường tiền tệ thế giới và các hình thức, lợi ích của việc liên kết kinh tế hay việc gia nhập các tổ chức kinh tế quốc tế.

34) Anh văn chuyên ngành 4 (2TC)

Cung cấp các kiến thức anh văn về từ vựng chuyên ngành, ngữ pháp nâng cao và các tình huống trong giao dịch kinh doanh bằng tiếng anh

35) Quản trị kinh doanh 1 (3TC)

Cung cấp các kiến thức về quản trị kinh doanh chung, các kiến thức về quản trị các yếu tố trong sản xuất: Quản trị sản xuất, QT vật tư thiết bị, QT marketing,

QT nhân lực, tài chính và QT kết quả kinh doanh.

36) Quản trị kinh doanh 2 (2TC)

Cung cấp các kiến thức về chuyên sâu về QTKD: Quản trị sản tài chính, quản trị kết quả kinh doanh, quản trị sự thay đổi trong DN.

37) Quản trị chiến lược (2TC)

Cung cấp các kiến thức về xây dựng và quản trị chiến lược kinh doanh trong DN: Các yếu tố cấu thành chiến lược, môi trường kinh doanh, các công cụ phân tích chiến lược, tổ chức thực hiện và đánh giá chiến lược.

38) Quản trị nhân lực (3TC)

Cung cấp các kiến thức về hoạch định nguồn nhân lực, tổ chức tuyển mộ, tuyển dụng và bố trí sử dụng, đánh giá lao động, trả thù lao lao động.

39) Quản lý dự án (3TC)

Cung cấp các kiến thức về nghiên cứu tiền khả thi, khả thi dự án; xây dựng báo cáo khả thi dự án đầu tư, đánh giá và lựa chọn dự án.

40) Nguyên lý kế toán (3TC)

Trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán như: bản chất, chức năng, yêu cầu, (nguyên tắc) của kế toán; hệ thống phương pháp kế toán, trình tự chung về kế toán các yếu tố, các quá trình kinh doanh chủ yếu, các hình thức kế toán, tổ chức công tác và bộ máy kế toán.

41) Kế toán tài chính 1 (4TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Môn học cung cấp kiến thức về: nội dung tổ chức công tác kế toán; Kế toán tiền lương, kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán TSCĐ, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả KD.

42) Kế toán quản trị (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về việc tổ chức thu thập, xử lý và sử dụng các thông tin kế toán để phục vụ trực tiếp cho các hoạt động của bản thân doanh nghiệp. Cung cấp lý luận cơ bản về tập hợp và phân tích các chi phí sản xuất kinh doanh, tính toán, cung cấp các thông tin nội bộ phục vụ cho việc ra quyết định mang tính tác nghiệp ngắn hạn trong quản trị kinh doanh ở đơn vị cơ sở.

43) Quản trị kinh doanh TM (3TC)

Cung cấp các kiến thức về quản trị kinh doanh trong DN thương mại: mua hàng, dự trữ, quản trị hàng tồn kho, quản trị các hoạt động xuất nhập khẩu trong DN.

44) Phân tích kinh doanh (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý thống kê, kế toán tài chính 1

Trang bị kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp: vị trí, chức năng, đối tượng và nhiệm vụ phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp; phương pháp phân tích và để tiến hành phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp; tổ chức và phân tích, đánh giá tình hình hoạt động và kết quả hoạt động kinh doanh ở các cơ sở sản xuất.

45) Tài chính DN (3TC)

Môn học này nhằm trang bị cho SV những khái niệm cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính. Các chủ đề bao gồm phân tích rủi ro, lập kế hoạch tài chính, cơ cấu vốn, lượng giá và chi phí vốn.

46) Tin học ứng dụng trong QLKT (3TC)

Cung cấp các kiến thức về quản trị cơ sở dữ liệu kinh doanh, phân tích thống kê và dự báo kinh doanh, phân tích tài chính và giải bài toán tối ưu.

47) Quản trị sản xuất (3TC)

Cung cấp các kiến thức về tổ chức và điều hành sản xuất từ dự báo nhu cầu, thiết kế, lựa chọn công nghệ, sản xuất hàng hoá của DN.

48) Quản lý trang trại (2TC)

Cung cấp các kiến thức về tổ chức sản xuất trong trang trại, quản lý các yếu tố sản xuất, hạch toán kinh doanh trong trang trại.

49) Quản trị công nghệ ((2TC)

Cung cấp các kiến thức về quản trị công nghệ: Lựa chọn công nghệ, đánh giá công nghệ, đổi mới và chuyển giao công nghệ trong DN.

50) Thương mại điện tử (2TC)

Cung cấp các kiến thức về các mô hình kinh doanh điện tử, vấn đề an toàn, bảo mật trong TMĐT, thành toán và marketing trong TMĐT.

51) Quản trị bán hàng (2TC)

Cung cấp các kiến thức về xây dựng hệ thống bán hàng, tổ chức và quản lý đội ngũ nhân viên bán hàng, chăm sóc khách hàng.

52) Đàm phán trong kinh doanh (2TC)

Cung cấp các kiến thức về đàm phán kinh doanh: Loại hình đàm phán, phương thức đàm phán và các kỹ năng cần thiết trong đàm phán: Kỹ năng chuẩn bị đàm phán, kỹ năng đàm phán, kỹ năng ra quyết định.

53) Quản trị kinh doanh bảo hiểm (2TC)

Cung cấp các kiến thức về kinh doanh bảo hiểm: Nghiệp vụ bảo hiểm, phân phối sản phẩm bảo hiểm, quản trị khách hàng, bảo hiểm và rủi ro trong kinh doanh bảo hiểm.

54) Quản trị kinh doanh du lịch (2TC)

Cung cấp các kiến thức về quản trị kinh doanh trong du lịch: Tổ chức, thiết kế chương trình du lịch, kinh doanh dịch vụ du lịch: ăn uống, lưu trú, hướng dẫn du lịch, lữ hành...

55) Quản trị chất lượng (2TC)

Cung cấp các kiến thức về chất lượng và quản trị chất lượng, các hệ thống quản trị chất lượng cơ bản hiện nay.

56) Kỹ năng quản trị (2TC)

Cung cấp các kiến thức về kỹ năng cơ bản của nhà quản trị: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian cá nhân, kỹ năng ra quyết định của nhà quản trị.

57) Kinh doanh BĐS (2TC)

Cung cấp các kiến thức về kinh doanh bất động sản: Tổ chức DN BĐS, quản trị sản phẩm BĐS, marketing BĐS, quản trị thông tin, hồ sơ BĐS

58) Kế toán tài chính 2 (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 1

Mô tả tóm tắt nội dung học: Môn học này nhằm trang bị cho SV kiến thức chuyên ngành về kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp: Kế toán hoạt động kinh doanh thương mại; Kế toán hàng hóa xuất nhập khẩu; Kế toán hoạt động kinh doanh dịch vụ; Kế toán đầu tư xây dựng cơ bản; Kế toán doanh nghiệp nhận thầu xây lắp.

59) Thị trường chứng khoán (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán và sự vận dụng nó vào thực tế. Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng một cách linh hoạt vào lĩnh vực công tác của mình hoặc nghiên cứu sâu hơn về thị trường chứng khoán.

60) Thanh toán quốc tế (3TC)

Môn học này sẽ giới thiệu và cung cấp cho người học các kiến thức tổng quan về hoạt động Thanh toán quốc tế, Ngoại hối và Tài trợ thương mại trong xu thế Hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

61) Thống kê doanh nghiệp (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý thống kê

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê doanh nghiệp: Những vấn đề cơ bản về Thống kê trong doanh nghiệp, Thống kê kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, Thống kê lao động trong đơn vị, thống kê nguyên vật liệu trong doanh nghiệp, thống kê TSCĐ trong doanh nghiệp, Thống

kê giá thành sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh, và Thống kê vốn và hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

62) Kinh tế công cộng (3TC)

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: lý do tồn tại, vai trò và xu thế phát triển của khu vực công trong nền kinh tế; vai trò của chính phủ và các công cụ can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế thị trường

63) Kinh tế phát triển (3TC)

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế phát triển như: lý thuyết cơ bản về tăng trưởng, phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển; tăng trưởng kinh tế với vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phúc lợi cho con người; các nguồn lực phát triển kinh tế; các chính sách phát triển kinh tế trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, ngoại thương và tài chính.

64) Kinh tế nông nghiệp (3TC)

Cung những kiến thức cơ bản như: vai trò, vị trí của nông nghiệp, các nguồn lực được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp, cung - cầu nông sản, thị trường nông sản và hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế trong nông nghiệp...

65) Quản trị rủi ro (2TC)

Cung cấp các kiến thức về rủi ro, quy trình quản lý rủi ro: Nhận diện rủi ro, đánh giá thiệt hại, dự phòng phương án đối phó với rủi ro

66) Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ hoạt động của ngân hàng thương mại.

67) Thị trường BĐS (2TC)

Cung cấp các kiến thức về thị trường và BĐS, thông tin BĐS, các vấn đề pháp lý trong kinh doanh BĐS, quản lý nhà nước về BĐS

68) Môi giới BĐS (2TC)

Cung cấp các khái niệm, quy trình môi giới BĐS, phân tích tài chính, tiếp thị, quy hoạch BĐS trong các giai đoạn thị trường nhất định

69) Giám đốc điều hành (CEO) (2TC)

Cung cấp các kiến thức về chức năng, nhiệm vụ của một CEO; phẩm chất và kỹ năng làm việc của 1 CEO.

70) Thực tập nghề nghiệp 1 (1TC)

Hướng dẫn sinh viên thực hành sử dụng các máy móc văn phòng: Máy scanner, máy photo copy, máy Fax, máy in và điện thoại; Hướng dẫn sinh viên tổ chức, quản lý văn phòng.

71) Thực tập nghề nghiệp 2 (4TC)

Là đợt thực tập tổng hợp để sinh viên vận dụng các kiến thức tổng hợp từ các môn học đã học trong thực tế. Xem xét và trải nghiệm thực tế nhiệm vụ của nhân viên thuộc lĩnh vực và sinh viên theo học.

72) Luận văn TN (10TC)

Đi thực tập tại đơn vị thực tế và hoàn thiện luận văn tốt nghiệp.

6. Kế hoạch đào tạo theo thời gian

Học kỳ 1:

TT	Tên học phần	Số TÍN CHỈ
1	Những NLCB của CNMLN	5
2	Toán cao cấp C	4
3	Anh văn 1	4
4	Tin học đại cương	3
5	Pháp luật đại cương	2
	Cộng	18

Học kỳ 2

TT	Tên học phần	Số TÍN CHỈ
1	Anh văn 3	3
2	Kinh tế vi mô I	3
3	Tài chính tiền tệ	3
4	Nguyên lý thống kê	3
5	Marketing	3
7	Môn tự chọn mục A	3
	Cộng	18

Học kỳ 3

TT	Tên học phần	Số TÍN CHỈ
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
2	Đường lối CM ĐCS Việt Nam	3
3	Xác suất thống kê	3
4	Anh văn 2	3
5	Kinh tế vĩ mô I	3
6	Môn tự chọn mục A	3
	Cộng	17

Học kỳ 4:

TT	Tên học phần	Số TÍN CHỈ
1	Quản trị học	3
2	Toán kinh tế	3
3	Luật kinh tế	3
4	Nguyên lý kế toán	2
5	Kinh tế đầu tư	3
6	<i>Môn tự chọn B2</i>	3
7	<i>Môn tự chọn B3</i>	2
	Cộng	19

Học kỳ 5:

TT	Tên học phần	Số TÍN CHỈ
1	Quản trị kinh doanh 1	3
2	Quản lý dự án	3
3	Kế toán tài chính 1	4
4	Tài chính doanh nghiệp 1	3
5	Kinh tế lượng 1	3
6	<i>Môn tự chọn B2</i>	3
	Cộng	19

Học kỳ 6:

TT	Tên học phần	Số TÍN CHỈ
1	Tin học ứng dụng trong QLKT	3
2	Quản trị kinh doanh 2	3
3	Anh văn 4	2
4	Quản trị nhân lực	3
5	Phân tích kinh doanh	3
6	<i>Môn tự chọn B3</i>	2
7	Thực tập nghề nghiệp 1	1
	Cộng	17

Học kỳ 7:

TT	Tên học phần	Số TÍN CHỈ
1	Quản trị chiến lược	3
2	Kế toán quản trị	3
3	Quản trị kinh doanh thương mại	3
4	Môn tự chọn B3	2
5	Môn tự chọn B3	3
6	Thực tập nghề nghiệp 2	3
	Cộng	17

Học kỳ 8: Làm khóa luận hoặc thi tốt nghiệp: 10 TÍN CHỈ

6. Phương pháp và hình thức đào tạo

- Hình thức đào tạo: Theo tín chỉ
- Phương pháp giảng dạy:
 - + Tổ hợp các phương pháp giảng dạy phù hợp và hiện đại: Giảng trên lớp, kết hợp với thực hành và thực tập để sinh viên tiếp cận nhiều thực tế, có thể vận dụng lý thuyết vào thực tế.
 - + Coi trọng tự học của sinh viên.
 - + Tăng cường các phương tiện nghe nhìn, phương pháp dạy, học tích cực.

7. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Đa số các môn học chuyên môn ngành QTKD được đánh giá gồm:

- + Điểm quá trình: 40%: Bao gồm điểm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên, thực hành thực tập;
- + Điểm thi cuối kỳ: 60%: có thể tổ chức dạng thi viết, thi vấn đáp và thi dạng trắc nghiệm.

8. Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT

Chương trình đào tạo ngành QTKD này được cập nhật và ban hành năm 2017.

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2017

KT. HIỆU TRƯỞNG 

PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Trần Quang Bảo